

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 20/3/2025
V/v “*Ly hôn, trA chấp về nuôi con*”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Vũ**
Ông **Trương Tha**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Thắm** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Bích Thảo** – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 609/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc “*Ly hôn, trA chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 2 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị ThA P** – Sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn H, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu D** – Sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn H, xã A, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Võ Thị ThA P trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Hữu D tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu về sau xảy ra mâu thuẫn do ông D không lo làm ăn, thường xuyên đánh đập bà và không có trách nhiệm với gia đình. Từ tháng 4/2024 mâu thuẫn giữa bà và ông D càng trầm trọng nên bà đi làm ăn xa không còn quan T, chung sống với nhau. Nay không còn tình cảm nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hữu D.

Về con chung: Bà và ông D có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 04/4/2013 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 17/12/2017. Bà yêu cầu giao hai con chung cho ông D nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hữu T, sinh ngày 17/12/2017 mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn – ông Nguyễn Hữu D được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không lấy được lời trình bày.*

**** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa trình bày quan điểm:***

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có cơ sở vì tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: bà P và ông D có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 04/4/2013 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 17/12/2017. Hiện nay ông D đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, mặt khác cháu A và cháu T có nguyện vọng được ở với cha nên đề nghị chấp nhận yêu cầu giao con chung cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà P tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T, sinh năm 2017 mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: bà P phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tra luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã nhiều lần triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Hữu D đều vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:*

Ông Nguyễn Hữu D có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Do đó Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ tranh chấp:* Bà P yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với ông D nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung vụ án:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thanh P và ông Nguyễn Hữu D tự nguyện chung sống, kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 74, cấp ngày 19 tháng 7 năm 2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Thanh P và ông Nguyễn Hữu D là hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu nhưng về sau nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông D không lo làm ăn, thường xuyên đánh đập bà, không có trách nhiệm với gia đình. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt và đã không còn quan T, chung sống với nhau nữa là phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Ông Nguyễn Hữu D đã được triệu tập đến tòa để thực hiện quyền, nghĩa vụ nhưng không có mặt là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Xét thấy cuộc sống vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan T, chăm sóc giúp đỡ nhau nhưng cuộc sống chung giữa bà P và ông D không hạnh phúc, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Bà P và ông D có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 04/4/2013 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 17/12/2017. Xét: bà P đi làm ăn xa nên không có điều kiện chăm sóc các con; từ lúc bà P và ông D không chung sống với nhau thì ông D là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và các cháu đều phát triển tốt là phù hợp kết quả xác minh tại địa phương. Mặt khác, các con chung cháu A và cháu T có nguyện vọng được ở với cha. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hữu T, sinh ngày 17/12/2017 mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và để đảm bảo cho các cháu có đủ điều kiện phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội nên cần căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao hai con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 04/4/2013 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 17/12/2017 cho ông D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Bà P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hữu T, sinh ngày 17/12/2017 mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 04 năm 2025 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, bà P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn và trả chấp con chung là có cơ sở chấp nhận và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Quan điểm nói trên của vị đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Tòa án nên chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Bà Võ Thị Thanh P phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 264, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh P được ly hôn với ông Nguyễn Hữu D.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 04/4/2013 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 17/12/2017 cho ông Nguyễn Hữu D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hữu T, sinh ngày 17/12/2017 mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 04 năm 2025 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, bà P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Thanh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Võ Thị Thanh P phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng bà P phải nộp số tiền 600.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0006265 ngày 16/10/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà P còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- THADS thị xã N;
- UBND xã A, tx. N;
- (GCNKH số 74 ngày 19/7/2013);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Huỳnh Tường Viên